TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TPNĐ** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST Ngày: 20-01-2022 V/v ly hôn, nuôi con giữa chị Bùi Ngọc T và anh Hồ Ngọc T	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TPNĐ - TỈNH NAM ĐỊNH

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Mai Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Ông Ngô Kim T

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Lê Phương Thủy – Thư ký Toà án nhân dân TPNĐ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TPNĐ tham gia phiên toà***: Bà Phạm Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân TPNĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 423/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Ngọc T, sinh năm 1996; căn cước công dân số 036196005534; địa chỉ đăng ký hộ khẩu: Số nhà 31/329 đường K, phường LV, TPNĐ, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số nhà 5/8/51 đường PBC, phường TĐN, TPNĐ, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Hồ Ngọc T, sinh năm 1996; căn cước công dân số 036096004440; địa chỉ đăng ký hộ khẩu: Số nhà 31/329 đường K, phường LV, TPNĐ, tỉnh Nam Định; hiện đang chấp hành án tại: Đội 43, K1, Trại giam NK – Bộ công an (địa chỉ: Thôn DT, xã NV, huyện HL, tỉnh Ninh Bình).

(Chị Bùi Ngọc T và anh Hồ Ngọc T có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 15-11-2021, nguyên đơn là chị Bùi Ngọc T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hồ Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường LV, TPNĐ vào ngày 18-5-2018. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T chơi bời, không chăm lo cho gia

đình, vợ con. Anh T phải đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam NK, xã NV, huyện HL, tỉnh Ninh Bình về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Toà án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

- Về nuôi con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Hồ Tùng A (giới tính: Nam), sinh ngày 08-7-2013 và Hồ Bảo T (giới tính: Nữ), sinh ngày 14-4-2018. Hai con hiện đang được chị trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cả hai con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc vì chị có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con và anh T hiện đang đi chấp hành án nên không có điều kiện nuôi con. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 28-11-2021, bị đơn là anh Hồ Ngọc T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn của vợ chồng như chị T trình bày. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khi anh bị đi chấp hành án phạt tù từ ngày 09-12-2019. Trong thời gian anh chấp hành án, chị T có thăm nuôi và gửi quà cho anh. Nay chị T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh không đồng ý.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Hồ Tùng A (giới tính: nam), sinh ngày 08-7-2013 và Hồ Bảo T (giới tính: nữ), sinh ngày 14-4-2018. Hiện anh đang đi chấp hành án phạt tù, không có điều kiện nuôi con, nếu ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cả hai con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Về cấp dưỡng nuôi con: bản thân anh không có thu nhập nên cũng không có khả năng cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Tại biên bản thu thập chứng cứ về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, đại diện tổ dân phố số 6, phường LV, TPNĐ, tỉnh Nam Định cung cấp: Vợ chồng chị T và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường LV, TPNĐ vào ngày 18-5-2018. Chị Bùi Ngọc T và anh Hồ Ngọc T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Số nhà 31/329 đường K, phường LV, TPNĐ, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, chị T và anh T có sinh sống tại địa phương nhưng hiện nay chị T đã chuyển về nhà mẹ đẻ sinh sống. Về con chung: vợ chồng chị T và anh T có hai con chung là cháu Hồ Tùng A, sinh ngày 08-7-2013 và Hồ Bảo T, sinh ngày 14-4-2018. Trong quá trình sinh sống tại địa phương nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh T đại diện tổ dân phố không nắm rõ; đề nghị Toà án giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung của chị T và anh T theo quy định của pháp luật.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TPNĐ tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung tranh chấp: Có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Ngọc T. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử ly hôn giữa chị Bùi Ngọc T và anh Hồ Ngọc T. Giao cho chị Bùi Ngọc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Hồ Tùng A (giới tính: Nam), sinh ngày 08-7-2013 và Hồ Bảo T (giới tính: Nữ), sinh ngày 14-4-2018. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn phải nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhân dân TPNĐ nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về tranh chấp được giải quyết trong vụ án:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Bùi Ngọc T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Hồ Ngọc T, giải quyết về người trực tiếp nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Bị đơn là anh Hồ Ngọc T không có yêu cầu phản tố. Do vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là ly hôn, tranh chấp nuôi con.

1.2. Về sự vắng mặt của các đương sự trong vụ án:

Nguyên đơn là chị Bùi Ngọc T và bị đơn là anh Hồ Ngọc T đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt chị Bùi Ngọc T và anh Hồ Ngọc T.

[2] Về nội dung tranh chấp trong vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị Bùi Ngọc T và anh Hồ Ngọc T là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, chị T và anh T xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chị Bùi Ngọc T khai do do anh T chơi bời, không chăm lo cho gia đình, vợ con, anh T phải đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam NK, xã NV, huyện HL, tỉnh Ninh Bình về tội Mua bán trái phép chất ma túy từ năm 2019 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Bùi Ngọc T và anh Hồ Ngọc T

đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị T, xử ly hôn giữa chị Bùi Ngọc T và anh Hồ Ngọc T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung:

Chị Bùi Ngọc T và anh Hồ Ngọc T có 02 con chung là Hồ Tùng A (giới tính: nam), sinh ngày 08-7-2013 và Hồ Bảo T (giới tính: nữ), sinh ngày 14-4-2018. Chị Bùi Ngọc T và anh Hồ Ngọc T đều đề nghị giao con cho chị T nuôi dưỡng vì hiện tại anh T đang chấp hành hình phạt tù không có điều kiện nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Hồ Tùng A và cháu Hồ Bảo T cho chị Bùi Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Ngọc T tự nguyện không yêu cầu anh Hồ Ngọc T cấp dưỡng nuôi con chung.

2.4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng:

Chị Bùi Ngọc T và anh Hồ Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV thì án phí trong vụ án sẽ được quyết định như sau:

Chị Bùi Ngọc T là nguyên đơn trong vụ án nên phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử ly hôn giữa chị Bùi Ngọc T và anh Hồ Ngọc T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Bùi Ngọc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Hồ Tùng A (giới tính: Nam), sinh ngày 08-7-2013 và Hồ Bảo T (giới tính: Nữ), sinh ngày 14-4-2018. Anh Hồ Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Hồ Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Án phí: Chị Bùi Ngọc T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Bùi Ngọc T đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005040 ngày 26-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự TPNĐ.

3. Chị Bùi Ngọc T và anh Hồ Ngọc T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Toà án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân TPNĐ;
- Chi cục Thi hành án TPNĐ;
- UBND phường LV, TPNĐ
(ĐKKH số 39/2018 ngày 18/5/2018)
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Mai Anh